

HAI VẤN ĐỀ CẦN THẢO LUẬN VỚI TÁC GIẢ BÀI *BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHỮ NGHĨA*

LÝ THƠ PHÚC*

Trong *Tạp chí Hán Nôm* số 2/2005, có bài viết của Nguyễn Đăng Na (NĐN) với nhan đề là *Bình Ngô đại cáo: một số vấn đề về chữ nghĩa*. Theo chúng tôi, đây là một bài viết đặc sắc với nhiều kiến giải uyên bác và sáng tạo một cách lý thú về một tác phẩm nổi tiếng trong nền văn học dân tộc của chúng ta. Chúng tôi về cơ bản nhất trí với những vấn đề về chữ nghĩa mà tác giả nêu lên và giải quyết một cách kỳ khu thông qua nhiều viện dẫn trong sách vở và những suy luận của mình. Tuy nhiên, có hai vấn đề mà chúng tôi thấy cần phải thảo luận thêm với tác giả để tránh những ngộ nhận đáng tiếc có thể xảy ra.

1. Vấn đề thứ nhất là vấn đề thể loại của bài *Bình Ngô đại cáo* (BNĐC). Mặc dù chấp nhận cách hiểu thông thường lâu nay cho rằng BNĐC là thể cáo, nhưng NĐN lại đưa ra một kiến giải hơi khác thường khi ông cho rằng BNĐC thuộc thể loại *đại cáo*.

Để đi đến kết luận ấy, trước tiên tác giả bài viết đặt ra câu hỏi: *đại cáo* là một cụm từ hay một từ? Nếu là cụm từ thì nó có nghĩa như các tác giả sách giáo khoa THCS và PTTH đã nêu ra từ bấy lâu nay: bài tuyên cáo một sự kiện *trọng đại* cho nhân dân được biết. Nếu là một từ thì nó phải là một thể loại như hịch, sớ, chiếu, biểu... nói chung là các tác phẩm văn học có chức năng hành chính.

NĐN đã dẫn ra nhiều văn liệu để chứng minh rằng *đại cáo* là một thể loại của văn học cổ. Tác giả viết: “Chữ ‘cáo’ có bộ ngôn thường dùng để chỉ thể loại văn học, khi kết hợp với ‘đại’ sẽ thành ‘đại cáo’. Nguyễn Trãi dùng hai chữ *đại cáo* này để chỉ thể loại tác phẩm của mình (LTP nhấn mạnh)”. Tác giả đã dựa vào *Hán ngữ đại từ điển* để giải thích nguồn gốc và ý nghĩa của thể loại này như sau:

* ThS, Trường Đại học Phú Yên

+ “đại cáo” là **tên một thiên sách** trong sách *Thượng Thư* trong đó nêu việc “Chu Công giúp Thành Vương trừ bỏ nhà Ân, viết *Đại cáo*”.

+ đại cáo còn **gắn với một văn bản pháp luật** được ban bố năm Hồng Vũ (niên hiệu của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương) thứ 18 đời Minh. Văn bản *Đại cáo* này theo *Minh sử*, gồm 74 điều. “Lệnh ban xuống cho các trường học phải đem ra để dạy sĩ tử; còn ở làng quê thì đặt ở các trường tư, thuê thầy dạy”, thậm chí biết đọc *Đại cáo* là tiêu chuẩn để xét giảm án và ân xá cho các phạm nhân.

Theo NĐN, Nguyễn Trãi viết BNĐC cũng là một cách “trần đại đạo dĩ cáo thiên hạ” như *Đại cáo* Chu Công và vì viết sau *Đại cáo* của Hồng Vũ hơn 40 năm, nên đây cũng có thể là một cách Nguyễn Trãi “muốn người đọc thấy rằng, bài cáo mà mình thay mặt dân tộc viết ra, chính là một văn kiện mang tính pháp luật, có ý nghĩa trọng đại, ngang với văn kiện pháp luật mà Minh Thái Tổ ban bố rùng rã suốt ba năm...”

Những điều nói trên cho thấy thiện ý của tác giả là muốn đề cao ý nghĩa và tầm vóc lớn lao đáng tự hào của BNĐC, một áng văn bất hủ của dân tộc ta, có thể sánh ngang với tác phẩm của các bậc hoàng đế Trung Hoa. Thiện ý này rất đáng quý. Nhưng có mấy điều làm cho chúng tôi băn khoăn không ít là:

– Khi tác giả cho rằng “ban đầu, “đại cáo” do hai chữ mang ý nghĩa quan trọng nhất trong mệnh (?)[†] “trần ‘đại’ đạo dĩ ‘cáo’ thiên hạ” ghép lại, dùng để gọi tên một thiên trong Kinh Thư, rồi thành từ cố định chỉ loại đặc biệt của thể cáo”, thì nhận định này – nhận định đại cáo là tiểu loại của thể cáo – lấy từ sách nào, hay đó chẳng qua là sự đoán định của riêng tác giả?

– Theo chỗ chúng tôi biết, BNĐC chỉ là tên gọi của người đời sau đặt cho bài cáo. Ở một số sách giáo khoa trước đây, có người còn gọi BNĐC là “Cáo bình Ngô”. Mới đây, cụ Bùi Duy Tân cho biết nhan đề BNĐC không tìm thấy trong sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (ĐVSKTT) vì trước khi dẫn nguyên văn bài BNĐC, ĐVSKTT chỉ viết: “Đế ký bình Ngô, đại cáo thiên hạ, kỳ văn viết:...”. Mặt khác, tác giả Bùi Duy Tân cũng tỏ ra nghi ngờ nhan đề này khi ông nói: “Vì vậy, nói nhan đề BNĐC do Nguyễn Trãi hoặc những ai đó đặt khi biên soạn *Lam*

[†] Chỗ này trong Tạp chí Hán Nôm in không rõ

Son thực lục vẫn phải tồn nghi”[‡] ... Điều đó cho thấy chắc gì nhan đề BNDC là do chính Nguyễn Trãi đặt ra trong khi hiện tượng người đời sau đặt tên cho các danh tác không phải là hiếm!

– Và phải chăng vì có ba văn bản mang tên là *đại cáo* như đã đề cập trên đây mà tác giả NĐN đi đến khái quát rằng *đại cáo* là một thể loại văn học?

Tinh táo một chút thì cũng đủ để nhận ra rằng bản thân thể cáo đã mang cái nội dung “đại đạo” ấy rồi. Lưu Hiệp trong *Văn tâm điều long* chương *Biện tao* đã nói: 故其陳堯舜之耿介，稱湯武之祇敬，典誥之體也[§] (Phiên âm: Cố kỳ trần Nghiêu Thuấn chi cảnh giới, xưng Thang Vũ chi chí kính, điển cáo chi thể dã). Phan Ngọc dịch: “Việc [*Ly Tao*] trình bày cái sáng láng vĩ đại của thời Nghiêu Thuấn, ca ngợi thái độ tôn kính lo lắng của Hạ Vũ, Thành Thang đều gắn với nội dung các bài “điền” và các bài “cáo” [trong *Kinh Thư*]^{**}. Trần Đình Sử trong cuốn *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam* đã viết: “Cáo là thể văn hoàng đế dùng để bổ nhiệm hay phong tặng thần tử (...) Ví dụ: *Đại cáo, Lạc cáo, Khang cáo, Tửu cáo, Thiệu cáo, ...*”^{††}. Theo đó thì ai cũng hiểu rằng *Đại cáo* – cũng như *Thang cáo, Lạc cáo, Tửu cáo, Thiệu cáo* – chỉ là **những tên gọi của những bài cáo cụ thể, thường gắn với chủ thể sáng tác hoặc nội dung cụ thể của chúng mà thôi**. Chẳng hạn, *Thang cáo* là lời Thành Thang khuyên chư hầu giữ phép nước, chỉ ra ý nghĩa của việc chinh phạt vua Kiệt.

Cho nên, chúng tôi cho rằng *đại cáo* không thể có tư cách là từ với ý nghĩa chỉ một thể loại văn học. Nói cách khác, phải xem nó là một cụm từ hơn là một từ, và hơn nữa đó là một cụm danh từ, trong đó *cáo* là thành tố chính, *đại* chẳng qua là thành tố phụ hạn định tính chất của bài cáo mà thôi.

Nếu theo cách lý giải của NĐN, người ta sẽ dễ dàng ngộ nhận có một tiểu loại *đại cáo* cùng những tiểu loại khác tương đương tồn tại bên trong thể loại cáo. Nghĩa là theo cách lập luận của tác giả thì cần phải bổ sung thêm vào cái kho tàng thể loại vốn đã phức tạp và rối rắm của văn học trung đại một số tiểu loại mới nữa, trong đó có *đại cáo*. Đó là điều chưa từng thấy trong các sách vở từ

[‡] Bùi Duy Tân (2007), *Bình Ngô đại cáo, văn bản – bản dịch – nhan đề*, T/c Nghiên cứu văn học, số 6

[§] Thanh Bình chủ biên, *Học sinh từ nguyên*, CD-Rom. (Cũng có thể xem tác phẩm Văn tâm điều long trên website <http://www.chinapage.com/china.html>)

^{**} Lưu Hiệp, *Văn tâm điều long*, (bản dịch của Phan Ngọc), NXB Văn học, H., 1997, tr. 33.

^{††} Trần Đình Sử (1999), *Mấy vấn đề thi pháp văn học Việt Nam trung đại*, NXB Giáo dục, H., , tr. 290

trước đến nay. Nếu ai đó đem điều ngộ nhận này áp dụng vào việc dạy học ở nhà trường phổ thông thì có lẽ sẽ gây nhiều tranh cãi vô ích. Lúc bấy giờ, học sinh sẽ hiểu rằng trong văn học cổ bên cạnh *cáo* còn có một tiểu loại là *đại cáo* (và thể loại này chỉ có Nguyễn Trãi sử dụng mà thôi!), thì há chẳng phải là điều phức tạp không cần thiết hay sao? Cho nên, theo tôi, chỉ nên cho học sinh thấy BNĐC là một bài cáo có tính chất trọng đại tuyên bố rộng rãi cho toàn dân được biết về thắng lợi của cuộc khởi nghĩa mười năm chống quân Minh đầy gian khổ nhưng hào hùng của dân tộc. Và ý nghĩa “thiên cổ hùng văn” của bài văn trước hết chính là xuất phát từ tính chất trọng đại đó, rồi sau đó mới nói đến những khía cạnh khác.

2. Vấn đề thứ hai là vấn đề hiểu chữ “chử” 杵 trong câu “Lãnh Câu chi huyết phiêu chử”. Theo tác giả, vấn đề này đã tạo ra một cuộc tranh luận triền miên trong giới nghiên cứu văn học trung đại. Với mục đích đưa ra kiến giải cuối cùng cho cuộc tranh luận ấy, NĐN quả quyết rằng “chử” 杵 ở đây không có nghĩa là cái chày, mà có nghĩa là *cái mọt*. Máu chảy ở Lãnh Câu (nhiều quá đến nổi) làm trôi những **chiếc mọt** của giặc Ngô! Tác giả đồng ý với nhận định cho rằng câu “Lãnh Câu chi huyết phiêu chử” là bắt nguồn từ “huyết lưu phiêu chử”, nhưng không chịu xem tổ hợp từ này là một thành ngữ như cách hiểu quen thuộc lâu nay. Tác giả đề nghị cách hiểu khác chỉ dựa trên nghĩa của từ “chử” mà thôi. Theo ông, máu chảy thành sông không thể làm trôi *chày* vốn là một vật thể quá nặng, mà chỉ có thể làm trôi *lổ* vốn là một vật thể nhẹ hơn! (?)

Để biện minh cho nhận định trên, tác giả dẫn ra rằng theo *Hán ngữ đại từ điển*, “chử” có 6 nghĩa. Ngoài nghĩa thông dụng là “cái chày” dùng để giã đập các vật, “chử” còn **thông nghĩa** (LTP nhấn mạnh) với “lỗ” 擻 mà lỗ thì có nghĩa là “cổ đại vũ khí trung đích thuẫn”, lỗ là cái mọt, một thứ vũ khí thời xưa. Căn cứ thứ hai để tác giả đi đến kết luận như trên là lời chú giải của Đoàn Ngọc Tài (cũng trong *Hán ngữ đại từ điển*): “lỗ” hoặc giả “chử” vi chi: “huyết lưu phiêu chử”, tức “huyết lưu phiêu lỗ”.

Lập luận trên đây có những chỗ cần xem xét lại.

Trước hết, nói rằng máu chảy thành sông nhiều đến nổi làm trôi *mọt/chử* là một điều không có căn cứ thực tế. Đây chỉ là một cách diễn đạt thậm xưng trong văn học mà thôi. Do vậy, ra sức phân biệt *mọt* và *chử* là một việc làm hết sức

ngây thơ, tưởng rằng là uyên áo, nhưng thực chất là đã đi ra khỏi quỹ đạo của nghệ thuật ngôn từ. Tác giả đã dụng công trong việc tra cứu nhằm chứng minh luận điểm của mình, nhưng xem ra là hoài công, vô ích!

Khi tra cứu *Học sinh từ nguyên*, chúng tôi phát hiện từ *chử* được từ điển này định nghĩa như sau:

杵: 1) 舂米、捶衣等用的一頭粗一頭細的圓木。《易·係辭》：“斷木為杵，掘地為臼。2) “古兵器名，因為形狀象杵，故名。《宋史·呼延贊傳》：“及作破陣刀、降魔杵。”3) 搗。

(Chử: 1) thung mễ, chúy y đảng dụng đích nhất đầu thô, nhất đầu tế đích viên mộc. Dịch, Hệ từ: “Đoạn mộc vi chử, quật địa vi cữu”. 2) Cỗ binh khí danh, nhân vi hình trạng tượng chử. Tống sử, Hồ Duyên Tán truyện: “Cập tác phá trận đao, giáng ma chử”. 3. Đáo). Tạm dịch: Chử: 1. Cây gỗ tròn một đầu to một đầu nhỏ dùng để giã gạo hay đập quần áo. Kinh Dịch, thiên Hệ từ: “Chặt cây làm chày, đào đất làm cối”. 2. **Tên một thứ binh khí thời xưa vì có hình dáng giống với cái chày** (LTP nhấn mạnh). Tống Sử, truyện Hồ Duyên Tán: “Kịp thời làm ra đao phá trận, làm ra chày đánh ma quỷ”. 3) Đập, nện.”

Ở đây, cần chú ý rằng “chử” là một loại vũ khí có hình dáng giống với cái chày, chứ không phải là bản thân cái chày đập vải hay giã gạo. Chất liệu và trọng lượng của nó như thế nào, chưa chắc đã nặng hơn cái mộc.

Trong từ điển Wenlin^{††}, “chử” đúng là chỉ có hai nghĩa: 1) *pestle* (cái chày) và 2) *stick used to pound clothes in washing* (cái gậy dùng đập quần áo khi giặt giũ). Nhưng khi tìm trong danh sách các từ có chứa 杵 – cũng theo tự điển nói trên – chúng tôi phát hiện hai tổ hợp từ: 1) huyết lưu phiêu chử 血流漂杵 với 3 nghĩa: a) *a bloody battle* (trận đánh đẫm máu), b) *scene of a big slaughter* (cảnh tượng đại tàn sát), và c) *great massacre* (cuộc đại thảm sát); và 2) kim cương chử 金剛杵 với 2 nghĩa: a) *the weapon brandished by Indra signifying thunder*, b) *the weapon symbolizing the power of wisdom*.

Như vậy, rõ ràng *huyết lưu phiêu chử* là một thành ngữ mà nghĩa của nó là chỉ một chiến trường đẫm máu, một cuộc tàn sát khủng khiếp. Rõ ràng từ điển

^{††} Wenlin Institute Inc., 文林 Wénlín, Software for Learning Chinese, 1997-2002 (CD-Rom), ABC Chinese-English Dictionary, Edited by John DeFrancis, University of Hawai'i.

Wenlin đã không theo nghĩa của từng từ để giải thích ý nghĩa của thành ngữ này. Điều đó cho thấy sẽ là sai lầm nếu hiểu “máu chảy trôi chày” theo kiểu máu chảy nhiều quá làm trôi chày của giặc.



Hơn nữa, “chủ” còn có nghĩa là một thứ vũ khí trong *kim cương chủ*, một thứ vũ khí của thần Indra có nghĩa là cây gậy sấm sét (*cudgel vajra* (“thunderbolt”) – xem hình bên^{§§}) và là một thứ vũ khí biểu trưng cho sức mạnh thông thái. Như vậy, rõ ràng việc bác bỏ tư cách vũ khí của *chủ* là không có cơ sở.

Mặt khác, khi đồng nhất *chủ* với *lỗ*, NĐN đã sử dụng khái niệm “thông nghĩa” mà theo chúng tôi là một khái niệm cần phải được làm rõ. Nếu giải thích như NĐN – *lỗ* là *chủ* – thì phải chăng thông nghĩa là đồng nghĩa? Trước hết, theo chúng tôi, *thông nghĩa* không thể có nghĩa là đồng nghĩa (nghĩa là cùng sở chỉ) mà chỉ có những nét giống nhau, liên quan với nhau mà thôi. Theo hiểu biết hạn hẹp của chúng tôi, khái niệm “thông nghĩa” chỉ được tìm thấy trong nguyên tắc “đồng âm thông giả” của tiếng Hán cổ, nghĩa là hai từ tuy có âm giống nhau, nhưng nghĩa lại có liên quan với nhau, ví dụ *chỉ* 止 với *chỉ* 軹, 址, 趾, 隄, 止 và do đó có thể dùng lẫn lộn với nhau trong một số trường hợp^{***}.

Với cách hiểu trên đây thì *chủ* và *lỗ* không phải là hai từ đồng âm nên không xảy ra hiện tượng thông nghĩa. Hai từ này nếu quả thật thông nghĩa với nhau thì nhiều nhất là ở chỗ chúng có nét nghĩa liên quan với nhau (một loại vũ khí thời xưa), nên trong chừng mực nào đó, có thể dùng lẫn lộn trong khi nói “huyết lưu phiêu lỗ” hoặc “huyết lưu phiêu chủ”. Nhưng *lỗ* là *lỗ* mà *chủ* là *chủ*, chứ không thể có chuyện đánh đồng hai sự vật này với nhau.

Hơn nữa, câu chú giải của Đoàn Ngọc Tài chưa chắc đã khẳng định dứt khoát *lỗ* là *chủ*. Có thể hiểu câu nói của Đoàn Ngọc Tài là: “*lỗ* **hoặc** (hàm ý nghi ngờ – LTP) *chủ* đều dùng được ở đây: (nói) “huyết lưu phiêu lỗ” cũng tức là (nói) “huyết lưu phiêu chủ”. Nói cách khác, phải hiểu ý của Đoàn Ngọc Tài là cả hai

^{§§} Dẫn từ Website : <http://www.jnanam.net/indra>

^{***} Trương Thái Du, *Dùng thiên văn kiến giải các thuật ngữ Nam Giao, Giao Chỉ, Tượng Quận, Cù Chân, Nhật Nam* (Xem <http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=9461&rb=0302>)

thành ngữ này tuy một dùng “lỗ”, một dùng “chủ” nhưng nghĩa đều giống nhau. Nhưng cần lưu ý rằng nghĩa của hai thành ngữ giống nhau (máu chảy rất nhiều) chứ không có ý nói *lỗ* tức là *chủ*. Không thể dùng phép loại suy một cách tùy tiện theo kiểu: huyết lưu phiêu lỗ = huyết lưu phiêu chủ, vậy suy ra: lỗ = chủ (!). Xin tác giả NĐN chú ý ở điểm này để tránh ngộ nhận.

Tóm lại, không có chuyện SGK (kể cả những người dịch trước đây) mắc sai lầm nghiêm trọng như tác giả đã có ý nói trong bài viết của mình. Vấn đề là ở chỗ nếu cần chú thích *chủ* thì chỉ cần chỉ ra rằng nó không chỉ có nghĩa là chày giã gạo hay chày đập quần áo, mà còn là một thứ vũ khí thời cổ có hình dạng giống như cái chày gia dụng, có thể tạm gọi là “gậy” (tức “bông” 棒). Trong văn cảnh này, chày được dùng theo phép hoán dụ để chỉ cho tất cả vũ khí của bọn giặc. Tuy nhiên, cả câu “Lãnh Câu chi huyết phiêu chủ” nên hiểu là trận đánh Lãnh Câu là trận đánh ác liệt, quân Minh chết rất nhiều đến nỗi máu chảy thành sông. Thế thôi, không nên làm phức tạp hóa vấn đề bằng cách dừng lại quá sâu ở chữ nghĩa của một từ, nhất là khi từ ấy nằm trong một thành ngữ, nghĩa là ý nghĩa của nó thường quan hệ một cách lỏng lẻo với ý nghĩa chung của cái tổ hợp mà nó tham gia tạo nên.

Dù sao đi nữa, toàn bài viết của PGS NĐN là một bài viết có giá trị học thuật rất cao. Những ý kiến trên đây của chúng tôi không phải để phủ nhận tất cả những điều bài viết đã trình bày rất xác đáng mà cái chính là muốn góp thêm một lời bàn để cho vấn đề trở nên sáng tỏ hơn mà thôi. Cho nên, nếu có gì sai sót, xin được tác giả NĐN chỉ giáo thêm để mở rộng tầm mắt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bùy Duy Tân (2007), *Bình Ngô đại cáo, văn bản – bản dịch – nhan đề*, Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 6.
- [2]. Lưu Hiệp, (1997) *Văn tâm điều long*, (bản dịch của Phan Ngọc), NXB Văn học, H., tr. 33.
- [3]. Thạnh Bình chủ biên, *Học sinh từ nguyên*, CD-Rom.
- [4]. Trần Đình Sử (1999), *Mấy vấn đề thi pháp văn học Việt Nam trung đại*, NXB Giáo dục, H., , tr. 290.

[5]. Wenlin Institute Inc., 文林 Wénlín, Software for Learning Chinese, 1997-2002 (CD-Rom), ABC Chinese-English Dictionary, Edited by John DeFrancis, University of Hawai'i.

Tóm tắt:

Hai vấn đề cần thảo luận với tác giả bài Bình Ngô Đại Cáo:

Một số vấn đề về chữ nghĩa

Bài báo này muốn thảo luận với tác giả bài viết *Bình Ngô đại cáo* – một số vấn đề về chữ nghĩa hai vấn đề: a) *đại cáo* là một từ hay một ngữ? và b) *chủ* hay *lỗ* trong *huyết lưu phiêu chủ*? Trước hết, chúng tôi cho rằng *Đại cáo* không phải là một từ chỉ một thể loại văn học trung đại Việt Nam mà là một ngữ có ý nghĩa như là bài cáo quan trọng của nhà vua tuyên bố về việc dẹp yên giặc Ngô. Tiếp đến, chúng tôi cho rằng *chủ* không đồng nhất (hay đồng nghĩa) với *lỗ* trong *huyết lưu phiêu chủ*. Và điều quan trọng là phải hiểu *huyết lưu phiêu chủ* như là một thành ngữ, do đó, việc tác giả cố gắng chứng minh *huyết lưu phiêu lỗ* là một việc làm không thực sự cần thiết.

Abstract:

Two matters necessary to discuss with the author of Binh Ngo Dai Cao-

Mot so van de ve chu nghĩa

The paper aims at discussing 2 matters with the author of *Binh Ngo dai cao* – *mot so van de ve chu nghĩa*: a) whether *dai cao* is a word or a phrase? and b) whether *chu* or *lo* should be used in *huyet luu phieu chu*? First, we argue that *Dai cao* isn't a word referred to as one of the genres of Vietnamese medieval literature, but a phrase meaning a great royal edict-like announcement about the defeat of the feudal Chinese invaders. Second, we consider that *chu* can't be identical to (or synonym with) *lo* in *huyet luu phieu chu*. It is important to understand *huyet luu phieu chu* as an idiom; hence, the fact that the author tries to justify *huyet luu phieu lo* is really useless.